

Số: /2021/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**Dự thảo**

**THÔNG TƯ**

**Quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe**

*Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe; tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại Việt Nam.

**Điều 2. Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe**

Chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe, bao gồm chất có trong các Danh mục sau:

1. Phụ lục V “Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc cấm nhập khẩu, cấm sản xuất” ban hành kèm theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.

2. Danh mục I "Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học đời sống xã hội; Việc sử dụng các chất này trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền"; Danh mục II "Các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền"; Danh mục III "Các chất ma túy được

dùng trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền"; Danh mục IVA "Các tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy" ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

3. Phụ lục I "Danh mục Dược chất gây nghiện" ban hành kèm theo Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

4. Danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc dùng làm thuốc ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BYT ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc.

5. Phụ lục I "Danh mục dược liệu có độc tính nguồn gốc thực vật"; Phụ lục II "Danh mục dược liệu có độc tính nguồn gốc động vật"; Phụ lục III "Danh mục dược liệu có độc tính nguồn gốc khoáng vật" ban hành kèm theo Thông tư số 42/2017/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục dược liệu độc làm thuốc.

6. Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2021.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được dẫn chiếu trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe quy định tại Khoản 6, Điều 2 Thông tư này được sửa đổi bổ sung, cập nhật theo yêu cầu quản lý; Bộ Y tế thành lập Hội đồng tư vấn giao Cục An toàn thực phẩm chủ trì, thành viên Hội đồng là các chuyên gia trong lĩnh vực: Y, Dược, Khoa học, Pháp chế và Hiệp hội nghề nghiệp có liên quan để xem xét. Căn cứ kết luận của Hội đồng, Cục An toàn thực phẩm trình Lãnh đạo Bộ Y tế phê duyệt danh sách các chất được bổ sung hoặc loại bỏ khỏi Danh mục.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Cục An toàn thực phẩm chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Sở Y tế, Ban Quản lý an toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện, Sở Y tế chỉ đạo các Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và các đơn vị liên quan kiểm tra và giám sát các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại địa phương.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) để xem xét, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (Phòng Công báo, Công TTĐTCTP);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ;
- Tổng cục thuộc Bộ Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Y tế các ngành;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, ATTP<sub>(02b)</sub>, PC<sub>(02b)</sub>.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**DANH MỤC CHẤT CẤM SỬ DỤNG TRONG SẢN XUẤT,  
KINH DOANH THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BYT ngày tháng năm 2021)*

<b>STT</b>	<b>Tên quốc tế</b>
1	Beclomethasone
2	Betamethasone
3	Budesonide
4	Clobetasol propionate
5	Cortisone
6	Deflazacort
7	Dexamethasone
8	Fludrocortisone
9	Fluocinolone
10	Fluocinonide
11	Fluorometholone
12	Fluticasone
13	Hydrocortisone
14	Methylprednisolone
15	Mometasone
16	Prednisolone
17	Prednisone
18	Triamcinolone
19	Buformin
20	Metformin
21	Phenformin
22	Cetilistat
23	Fluoxetine
24	Lorcaserin
25	Orlistat
26	Chlorzoxazone
27	Diclofenac
28	Doxepin
29	Ibuprofen
30	Indomethacin
31	Ketoprofen
32	Methocarbamol
33	Naproxen
34	Nefopam
35	Piroxicam
36	Aildenafil
37	Benzamidenafil
38	Dapoxetine
39	Desmethyl carbodenafil
40	Dithiodesmethyl carbodenafil
41	Flibanserin
42	Hydroxyhomosildenafil

43	Sildenafil
44	Sulfoildenafil
45	Sulfohydroxyhomosildenafil
46	Tadalafil
47	Vardenafil
48	Chlorpromazine
49	Chlorpheniramine
50	Cyproheptadine
51	Furosemide
52	Hypothiazid
53	Aromatase inhibitor
54	Salbutamol
55	Terazosin hydrochloride